

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÁO CÁO THỰC HÀNH  
QUẢN LÝ THÔNG TIN  
LAB 2

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Nguyễn Phúc Toàn

Sinh viên thực hiện:

Mai Đức Thịnh 22521413

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2024

# BÁO CÁO LAB 3

## I. Bài thực hành buổi 2

### 1. Phần 3: Hàm

Câu 1: Viết hàm in ra thông tin sinh viên (TENSX, SODT, LOP, DIACHI)

có mã số sinh viên

(MSSV) được truyền vào.

Thực thi với các trường hợp:

- Truyền vào MSSV = '13520001'.

Results		Messages		
	TENSX	SODT	LOP	DIACHI
1	Nguyễn Văn An	0906762255	SE103.U32	THỦ ĐỨC

- Truyền vào MSSV = '13520005'.

Results		Messages		
	TENSX	SODT	LOP	DIACHI
1	Lê Thúy Hằng	0976668688	SE304.E22	THỦ ĐỨC

- Truyền vào MSSV = '13520008'.

Results		Messages		
	TENSX	SODT	LOP	DIACHI

Câu 3: Viết hàm in ra danh sách sinh viên thực hiện đề tài (MSSV, TENSX)

có mã số đề

tài (MSDT) được truyền vào.

Thực thi với các trường hợp:

- Truyền vào MSDT = '97004'.

Results			Messages		
	MSSV	TENSV			
1	13520001	Nguyễn Văn An			

- Truyền vào MSDT = '97005'.

Results			Messages		
	MSSV	TENSV			
1	13520002	Phan Tấn Đạt			
2	13520006	Ưng Hồng Ân			

- Truyền vào MSDT = '97011'.

Results			Messages		
	MSSV	TENSV			

Câu 4: Viết hàm in ra danh sách giảng viên (MSGV, TENG V) có phản biện đề tài

Results			Messages		
	MSGV	TENG V			
2	00203	Trần Thu Trang			
3	00204	Nguyễn Thị Loan			
4	00205	Chu Tiến			

## II. Bài thực hành buổi 3

### 1. Phần 1: TỔ CHỨC DỮ LIỆU TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Trình bày các kiểu dữ liệu (data type) trong SQL Server và cách sử dụng?

SQL Server hỗ trợ nhiều kiểu dữ liệu khác nhau, bao gồm:

Kiểu số: int, bigint, smallint, tinyint, bit, decimal, numeric, float, real

Kiểu ngày

tháng: date, datetime, datetime2, smalldatetime, time, datetimeoffset

Kiểu chuỗi: char, varchar, text, nchar, nvarchar, ntext

Kiểu nhị phân: binary, varbinary, image

Kiểu khác: uniqueidentifier, xml, cursor, sql\_variant, table

## 2. Cho biết dung lượng tối đa của 1 dòng (row) trong 1 bảng (table) mà SQL Server cho phép?

Dung lượng tối đa của một dòng trong một bảng mà SQL Server cho phép là 8060 byte.

## 3. Cho biết dung lượng tối đa của 1 bảng (table) mà SQL Server cho phép?

SQL Server không giới hạn dung lượng tối đa của một bảng. Tuy nhiên, dung lượng tối đa của một cơ sở dữ liệu SQL Server là 524,272 terabyte.

## 4. Tìm hiểu ý nghĩa của các bảng hệ thống (System tables) trong cơ sở dữ liệu Master như: Sysusers, Sys.servers, Syslogins. Chụp lại các bảng Sysusers, Sys.servers, Syslogins trong SQL Server.

Sysusers: Chứa thông tin về tất cả các người dùng, role và nhóm trong cơ sở dữ liệu.

Sys.servers: Chứa thông tin về tất cả các máy chủ liên kết.

Syslogins: Chứa thông tin về tất cả các tài khoản đăng nhập hiện có trong cơ sở dữ liệu.

## 2. Phần 2: QUẢN LÝ TRUY XUẤT VÀ PHÂN QUYỀN NGƯỜI DÙNG

### Bài tập 1. Login

#### Câu 1:

sid	status	createdate	updatedate	accdte	totcpu	totio	spacelimit	timelimit	resultlimit	name
0x0105000000000000051500000057A1A5641080FED879001BD5...	9	2023-10-05 10:02:02.990	2023-10-05 10:02:03.000	2023-10-05 10:02:02.990	0	0	0	0	0	DESKTOP-H8M4FO0\DELL
0x01060000000000000550000000732B975364EF90356745CB6...	9	2023-10-05 10:02:02.997	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:02.997	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLWriter
0x010600000000000005500000005A048DDFF9C7430AB450D4E7...	9	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:03.017	2023-10-05 10:02:03.007	0	0	0	0	0	NT SERVICE\Winmgmt
0x01060000000000000550000000E20F4FE7B15874E48E190264...	9	2023-10-05 10:02:03.010	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.010	0	0	0	0	0	NT SERVICE\MSSQLSERVER
0x01010000000000000512000000	9	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.027	2023-10-05 10:02:03.020	0	0	0	0	0	NT AUTHORITY\SYSTEM
0x01060000000000000550000000DCA88F14B79FD47A992A3C089...	9	2023-10-05 10:02:03.547	2023-10-05 10:02:03.557	2023-10-05 10:02:03.547	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLSERVERAGENT
0x01060000000000000550000000447A1A9EE0235381234A54AA9...	9	2023-10-05 10:02:04.010	2023-10-05 10:02:04.017	2023-10-05 10:02:04.010	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLTELEMETRY
0xE7535EB0D8800140BFA88E2E530477F9	9	2024-04-09 14:32:33.343	2024-04-09 14:32:33.357	2024-04-09 14:32:33.343	0	0	0	0	0	thinhdm
0x59E81B0388917E448E45BE6F2F75F5DB	9	2024-04-09 14:32:36.430	2024-04-09 14:32:36.443	2024-04-09 14:32:36.430	0	0	0	0	0	thinhdm_master
0x329D71A1590A8B438B251A36FEC0828A	9	2024-04-09 14:32:43.240	2024-04-09 14:32:43.253	2024-04-09 14:32:43.240	0	0	0	0	0	thinhdm_qldt
0x271525CECE280A6910265DB0F91F8A2	9	2024-04-09 15:13:36.003	2024-04-09 15:13:36.017	2024-04-09 15:13:36.003	0	0	0	0	0	I1
0x6648AC8750CE9A8A235D3740F683658	9	2024-04-09 15:13:36.010	2024-04-09 15:13:36.023	2024-04-09 15:13:36.010	0	0	0	0	0	I2
0xE061BACE9EA6CB4FB97A26470A9FE7BA	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	I3
0x127B79A9380433430344873B5203751	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	I4
0xC3C50FD346847C4898B21317942235E	9	2024-04-09 15:13:36.017	2024-04-09 15:13:36.030	2024-04-09 15:13:36.017	0	0	0	0	0	I5
0x432D174D472D9C488C88F02F9C12D035	9	2024-04-09 15:13:36.020	2024-04-09 15:13:36.033	2024-04-09 15:13:36.020	0	0	0	0	0	I6

#### Câu 2:

## Bài tập 2. User và role

1. Tạo 2 user SV1 và SV2 lần lượt cho tài khoản login 1 và 2, sau đó chụp lại bảng Sysusers và hộp thoại Database Properties.

uid	status	name	sid	roles	createdate
0	0	public	0x01050000000000000904000000FB01993B66F9C34DBD9B273...	NULL	2003-04-08 09:10:19.630
1	0	dbo	0x01	NULL	2003-04-08 09:10:19.600
2	0	guest	0x00	NULL	2003-04-08 09:10:19.647
3	0	INFORMATION_SCHEMA	NULL	NULL	2009-04-13 12:59:06.013
4	0	sys	NULL	NULL	2009-04-13 12:59:06.013
5	0	##MS_PolicyEventProcessingLogin##	0x56F12609FB4EB548906B5A62EFFB1840	NULL	2022-10-08 06:32:02.560
6	0	##MS_AgentSigningCertificate##	0x01060000000000000901000000FB1B6CE60EDA55E1D3DDE93...	NULL	2022-10-08 06:32:07.003
7	0	SV1	0xE7535EB0D8800140BFA582EE530477F9	NULL	2024-04-09 14:34:32.403
8	0	SV2	0x59E81B0388917E448E45BE6F2F75F5DB	NULL	2024-04-09 14:34:35.383

Script ? Help

Server name: DESKTOP-H8M4FO0

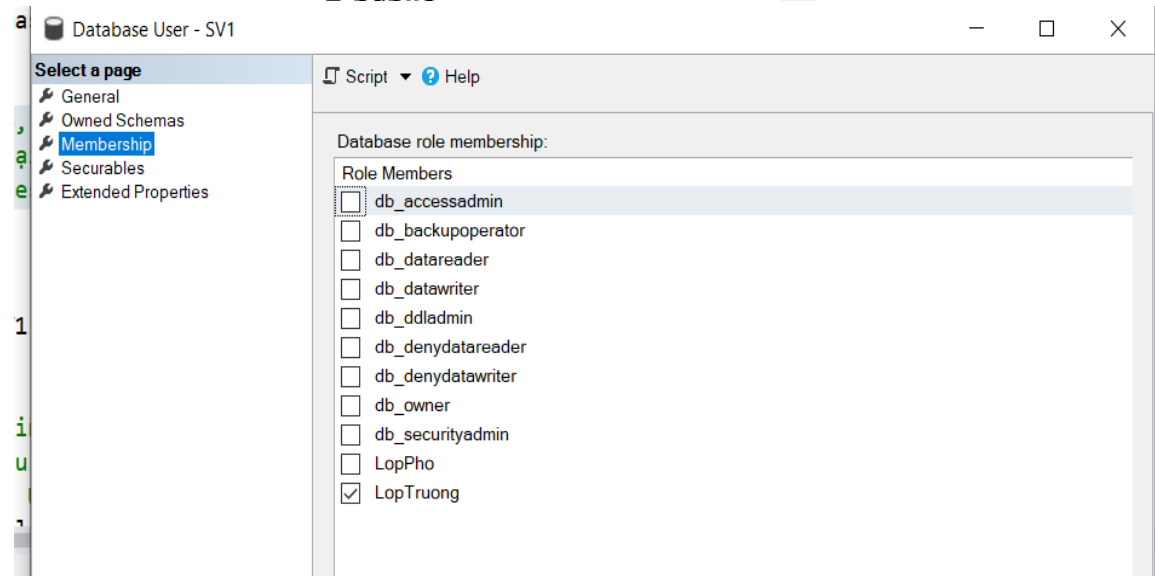
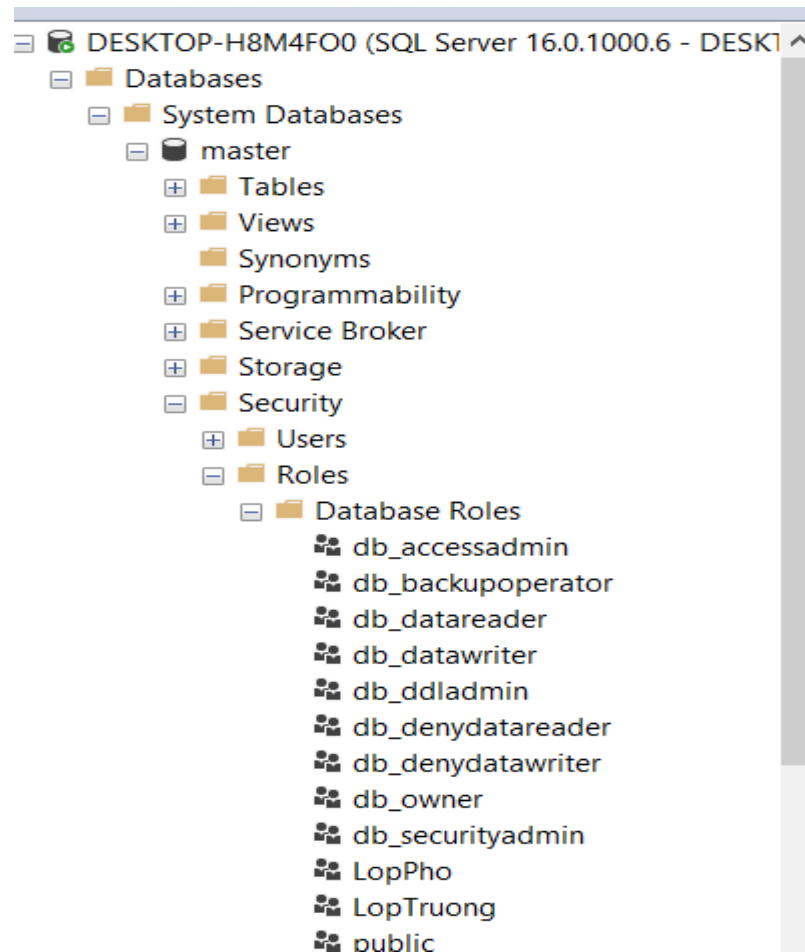
[View server permissions](#)

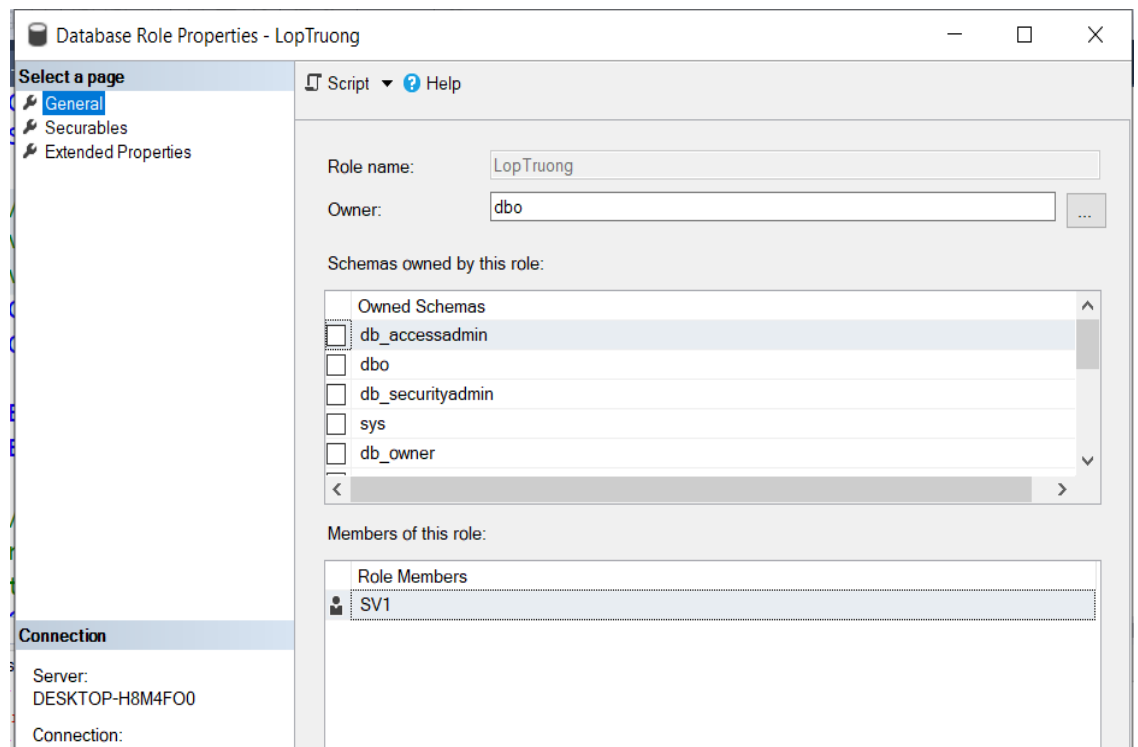
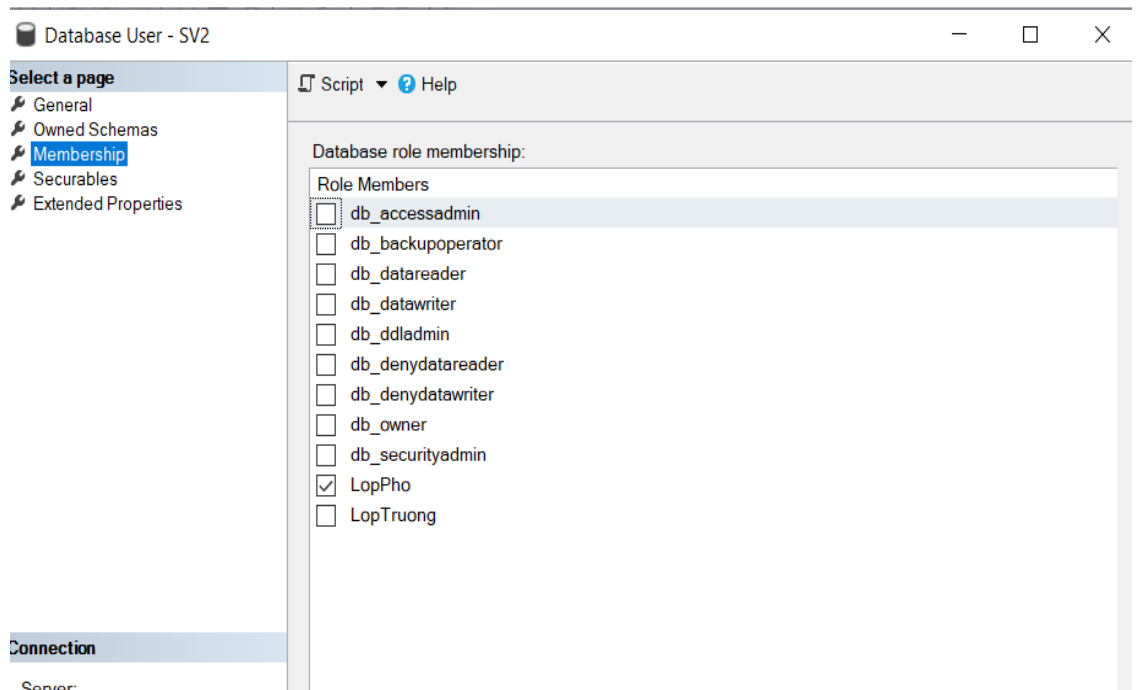
Database name: master

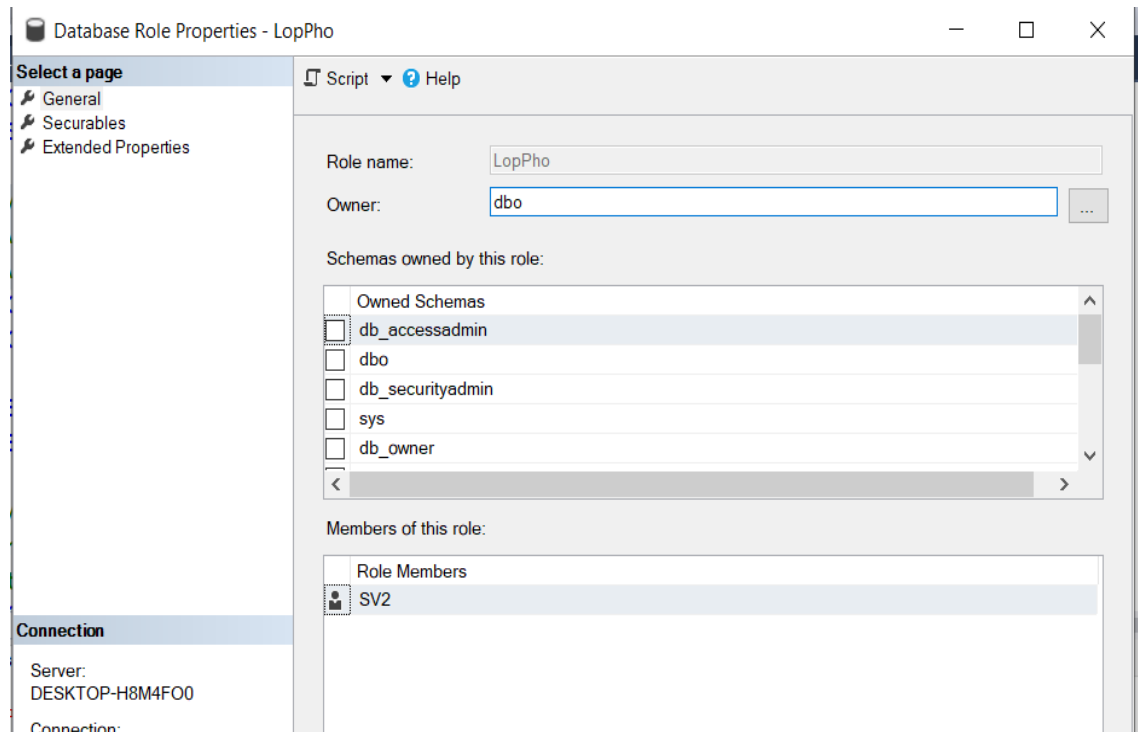
Users or roles: Search...

	Name	Type
	##MS_AgentSigningCertificate##	User
	##MS_PolicyEventProcessingLogin##	User
	guest	User
	public	Database role
	SV1	User
	SV2	User

2. Tạo 2 role LopTruong và LopPho, sau đó thêm user SV1 vào role LopTruong cho và user SV2 vào role LopPho. Chụp lại cửa sổ Object Explorer, hộp thoại Database User và hộp thoại Database Role Properties.

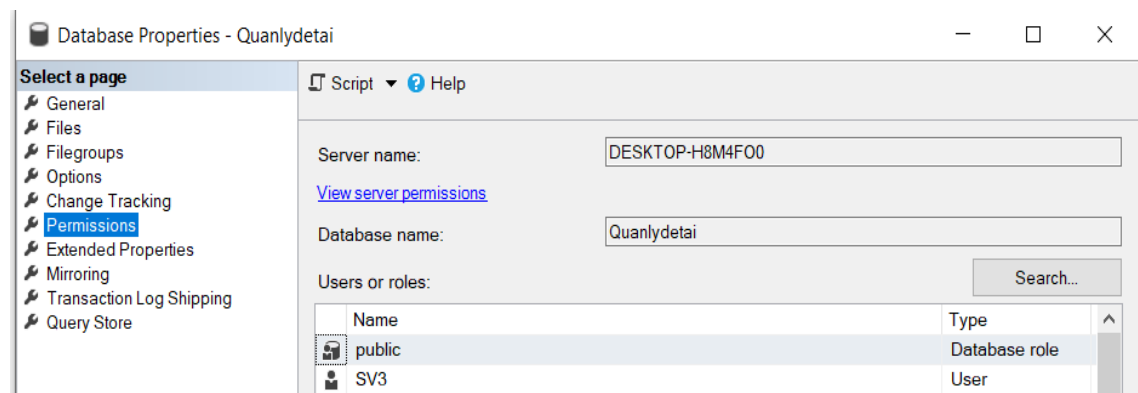






**3. Tạo user SV3 cho tài khoản login 3, sau đó thêm user SV3 vào role db\_Owner và role db\_DataReader của cơ sở dữ liệu Quản lý đề tài. Chụp lại bảng Sysusers, các hộp thoại Database Properties, Database User và Database Role Properties.**

uid	status	name	sid	roles	createdate	updatedate	altuid	password	gid	environ	hasdbaccess	islogin	isntname	isnt
1	0	0	0x010500000000000009040000083741B006749C04BA943C027...	NULL	2003-04-08 09:10:42.317	2009-04-13 12:59:14.467	1	NULL	0	NULL	0	0	0	0
2	1	12	public	NULL	2003-04-08 09:10:42.287	2024-03-11 16:02:56.860	NULL	NULL	0	NULL	1	1	1	0
3	2	0	guest	0x00	2003-04-08 09:10:42.317	2003-04-08 09:10:42.317	NULL	NULL	0	NULL	0	1	0	0
4	3	0	INFORMATION_SCHEMA	NULL	2009-04-13 12:59:11.717	2009-04-13 12:59:11.717	NULL	NULL	0	NULL	0	1	0	0
5	4	0	sys	NULL	2009-04-13 12:59:11.717	2009-04-13 12:59:11.717	NULL	NULL	0	NULL	0	1	0	0
6	5	0	svs	0x329D71A1590A843BB251A36FEC0828A	NULL	2024-04-09 14:55:56.943	2024-04-09 14:55:56.943	NULL	NULL	0	NULL	1	1	0





Database User - SV3

Select a page

General

Owned Schemas

Membership

Securables

Extended Properties

Script

Help

Database role membership:

Role Members

☐

db\_accessadmin

☐

db\_backupoperator

☒

db\_datareader

☐

db\_datawriter

☐

db\_ddladmin

☐

db\_denydatareader☐☒☐☐☐☐

Database Role Properties - db\_owner

Select a page

General

Extended Properties

Script

Help

Role name: db\_owner

Owner: dbo

Schemas owned by this role:

Owned Schemas

☐

db\_accessadmin

☐

dbo

☐

db\_securityadmin

☐

sys

☒

db\_owner

Members of this role:

Role Members

☒

dbo

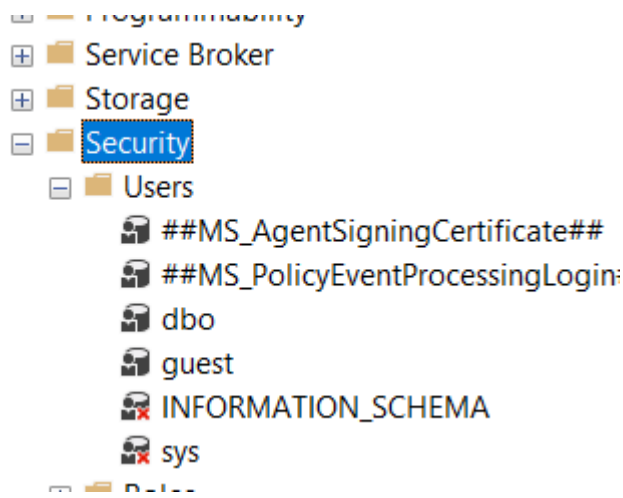
☒

SV3

Connection

Server: DESKTOP-H8M4FO0





## 5. Xóa tài khoản login 2 và 3 đã tạo ở câu a1, sau đó chụp lại bảng Syslogins.

	sid	status	createdate	updatedate	accdte	totcpu	totio	spacelimit	timelimit	resulimit	name
1	0x01	9	2003-04-08 09:10:35.460	2023-10-05 10:02:03.057	2003-04-08 09:10:35.460	0	0	0	0	0	sa
2	0x0106000000000000090100000067BC58C8C025733FAA176C...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLResourceSigni
3	0x01060000000000000901000000164F477795874C92BCA2A4A8...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLReplicatorSi
4	0x01060000000000000901000000A3641C720B9466CAB42E1D5F...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLAuthenticato
5	0x010600000000000009010000007BD6FA74DEB8DB961034C0D...	10	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	0	0	0	0	0	##MS_PolicySigningCer
6	0x01060000000000000901000000A37FDA7BD68A34744A0455D0...	10	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	0	0	0	0	0	##MS_SmoExtendedSig
7	0x56F12609FB4EB548906B5A62E5FFB1840	9	2022-10-08 06:32:02.537	2023-10-05 10:02:03.580	2022-10-08 06:32:02.537	0	0	0	0	0	##MS_PolicyEventProce
8	0x6FDCCB0634728D499251C4F30AD23D4E	9	2022-10-08 06:32:02.543	2023-10-05 10:02:03.573	2022-10-08 06:32:02.543	0	0	0	0	0	##MS_PolicyTsqExecu
9	0x01060000000000000901000000FB1B6CE60DA55E1D3DDE93...	9	2022-10-08 06:32:07.003	2022-10-08 06:32:07.010	2022-10-08 06:32:07.003	0	0	0	0	0	##MS_AgentSigningCer
10	0x01050000000000000051500000057A1A5641080FED879001BD5...	9	2023-10-05 10:02:02.990	2023-10-05 10:02:03.000	2023-10-05 10:02:02.990	0	0	0	0	0	DESKTOP-H8M4FO0IDE
11	0x010600000000000000550000000732B975364EF90356745CB6...	9	2023-10-05 10:02:02.997	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:02.997	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLWrit
12	0x0106000000000000005500000005A048DDFF9C7430A8450D4E7...	9	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:03.017	2023-10-05 10:02:03.007	0	0	0	0	0	NT SERVICE\Winnmgt
13	0x010600000000000000550000000E20F4FE7B15874E48E190264...	9	2023-10-05 10:02:03.010	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.010	0	0	0	0	0	NT Service\MSSQLSERV
14	0x010100000000000000512000000	9	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.027	2023-10-05 10:02:03.020	0	0	0	0	0	NT AUTHORITY\SYSTEM
15	0x010600000000000000550000000DCAB8F14B79FD47A992A3D089...	9	2023-10-05 10:02:03.547	2023-10-05 10:02:03.557	2023-10-05 10:02:03.547	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLSERVE
16	0x010600000000000000550000000447A1A9EE0235381234A54AA9...	9	2023-10-05 10:02:04.010	2023-10-05 10:02:04.017	2023-10-05 10:02:04.010	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLTELEM

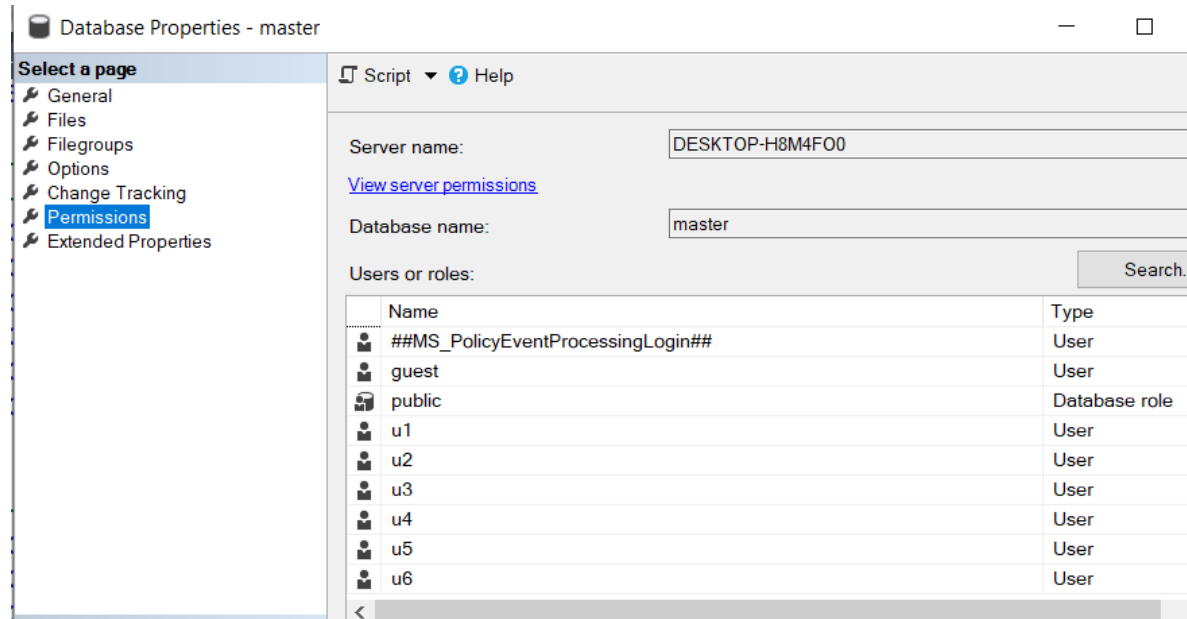
	sid	status	createdate	updatedate	accdte	totcpu	totio	spacelimit	timelimit	resulimit	name
1	0x01	9	2003-04-08 09:10:35.460	2023-10-05 10:02:03.057	2003-04-08 09:10:35.460	0	0	0	0	0	sa
2	0x0106000000000000090100000067BC58C8C025733FAA176C...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLResourceSigningCertificate#
3	0x01060000000000000901000000164F477795874C92BCA2A4A8...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLReplicatorSigningCertificate#
4	0x01060000000000000901000000A3641C720B9466CAB42E1D5F...	10	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	2022-10-08 06:30:40.180	0	0	0	0	0	##MS_SQLAuthenticatorCertificate#
5	0x010600000000000009010000007BD6FA74DEB8DB961034C0D...	10	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	0	0	0	0	0	##MS_PolicySigningCertificate#
6	0x01060000000000000901000000A37FDA7BD68A34744A0455D0...	10	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	2022-10-08 06:30:40.183	0	0	0	0	0	##MS_SmoExtendedSigningCertificate#
7	0x56F12609FB4EB548906B5A62E5FFB1840	9	2022-10-08 06:32:02.537	2023-10-05 10:02:03.580	2022-10-08 06:32:02.537	0	0	0	0	0	##MS_PolicyEventProcessingLogin##
8	0x6FDCCB0634728D499251C4F30AD23D4E	9	2022-10-08 06:32:02.543	2023-10-05 10:02:03.573	2022-10-08 06:32:02.543	0	0	0	0	0	##MS_PolicyTsqExecutionLogin##
9	0x01060000000000000901000000FB1B6CE60DA55E1D3DDE93...	9	2022-10-08 06:32:07.003	2022-10-08 06:32:07.010	2022-10-08 06:32:07.003	0	0	0	0	0	##MS_AgentSigningCertificate##
10	0x01050000000000000051500000057A1A5641080FED879001BD5...	9	2023-10-05 10:02:02.990	2023-10-05 10:02:03.000	2023-10-05 10:02:02.990	0	0	0	0	0	DESKTOP-H8M4FO0IDELL
11	0x010600000000000000550000000732B975364EF90356745CB6...	9	2023-10-05 10:02:02.997	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:02.997	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLWriter
12	0x0106000000000000005500000005A048DDFF9C7430A8450D4E7...	9	2023-10-05 10:02:03.007	2023-10-05 10:02:03.017	2023-10-05 10:02:03.007	0	0	0	0	0	NT SERVICE\Winnmgt
13	0x010600000000000000550000000E20F4FE7B15874E48E190264...	9	2023-10-05 10:02:03.010	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.010	0	0	0	0	0	NT Service\MSSQLSERVER
14	0x010100000000000000512000000	9	2023-10-05 10:02:03.020	2023-10-05 10:02:03.027	2023-10-05 10:02:03.020	0	0	0	0	0	NT AUTHORITY\SYSTEM
15	0x010600000000000000550000000DCAB8F14B79FD47A992A3D089...	9	2023-10-05 10:02:03.547	2023-10-05 10:02:03.557	2023-10-05 10:02:03.547	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLSERVERAGENT
16	0x010600000000000000550000000447A1A9EE0235381234A54AA9...	9	2023-10-05 10:02:04.010	2023-10-05 10:02:04.017	2023-10-05 10:02:04.010	0	0	0	0	0	NT SERVICE\SQLTELEMETRY

## Bài tập 3. Vận dụng 1: Xác thực người dùng

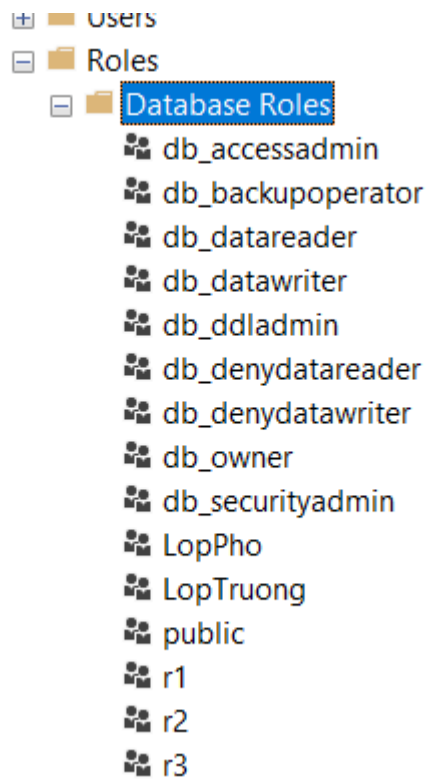
### 1. Tạo 6 login từ l1 đến l6 không có mật khẩu, sau đó chụp lại bảng Syslogins.

18	9	2024-04-09 15:13:36.003	2024-04-09 15:13:36.017	2024-04-09 15:13:36.003	0	0	0	0	0	11	master	NULL	us_english	0
19	9	2024-04-09 15:13:36.010	2024-04-09 15:13:36.023	2024-04-09 15:13:36.010	0	0	0	0	0	12	master	NULL	us_english	0
20	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	13	master	NULL	us_english	0
21	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	14	master	NULL	us_english	0
22	9	2024-04-09 15:13:36.017	2024-04-09 15:13:36.030	2024-04-09 15:13:36.017	0	0	0	0	0	15	master	NULL	us_english	0
23	9	2024-04-09 15:13:36.020	2024-04-09 15:13:36.033	2024-04-09 15:13:36.020	0	0	0	0	0	16	master	NULL	us_english	0

2. Tạo 6 user từ u1 đến u6 lần lượt tương ứng với 6 login đã tạo ở trên, sau đó chụp lại hộp thoại Database Properties.

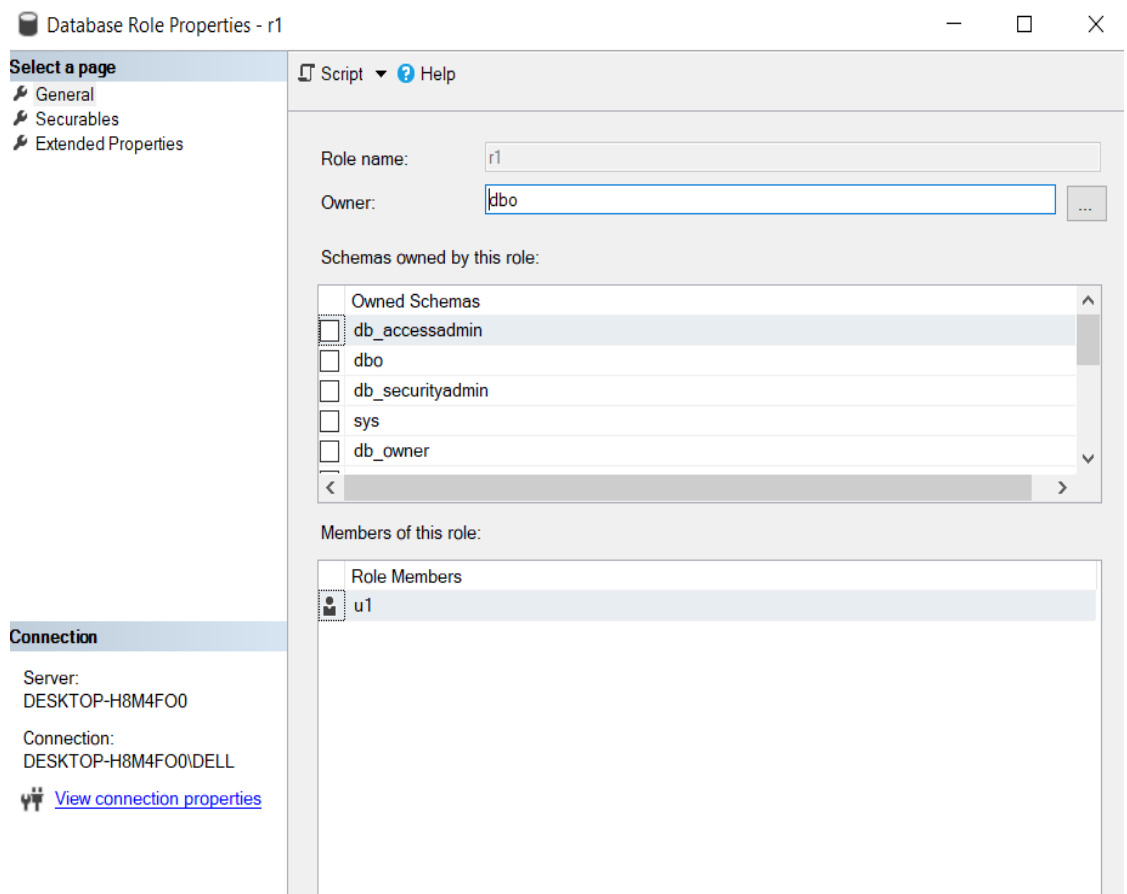
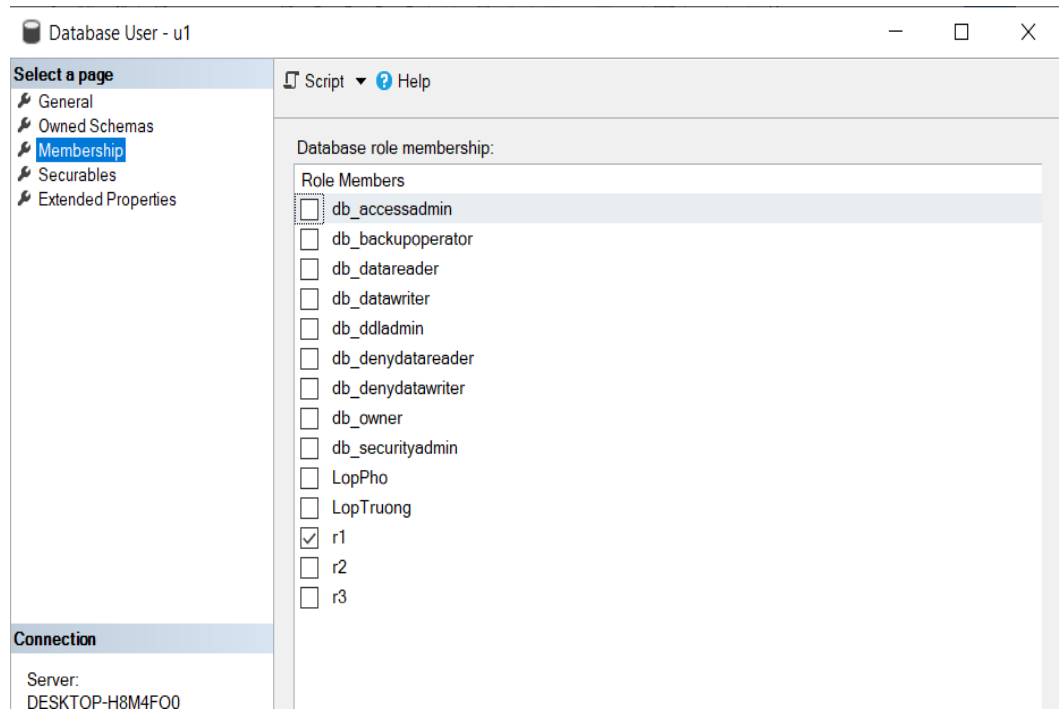


3. Tạo 3 role từ r1 đến r3, sau đó chụp lại cửa sổ Object Explorer.



3. Tạo nhóm như sau và chụp lại hộp thoại Database User và Database Role Properties:

- u1 thuộc r1.



- u2, u3 thuộc r2.

Database User - u2

Select a page

General

Owned Schemas

Membership

Securables

Extended Properties

Script

Help

Database role membership:

Role Members

☐ db\_accessadmin

☐ db\_backupoperator

☐ db\_datareader

☐ db\_datawriter

☐ db\_ddladmin

☐ db\_denydatareader

☐ db\_denydatawriter

☐ db\_owner

☐ db\_securityadmin

☐ LopPho

☐ LopTruong

☐ r1

☒ r2

☐ r3

Connection

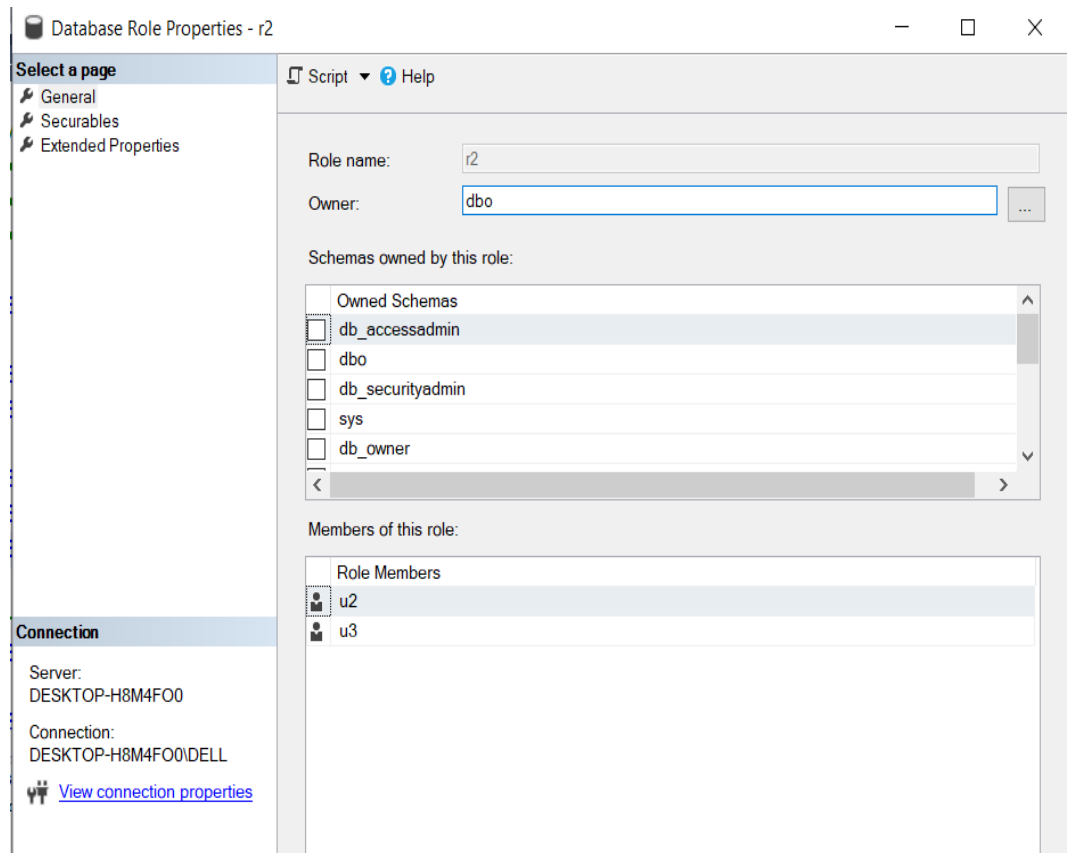
Server:

DESKTOP-H8M4FO0

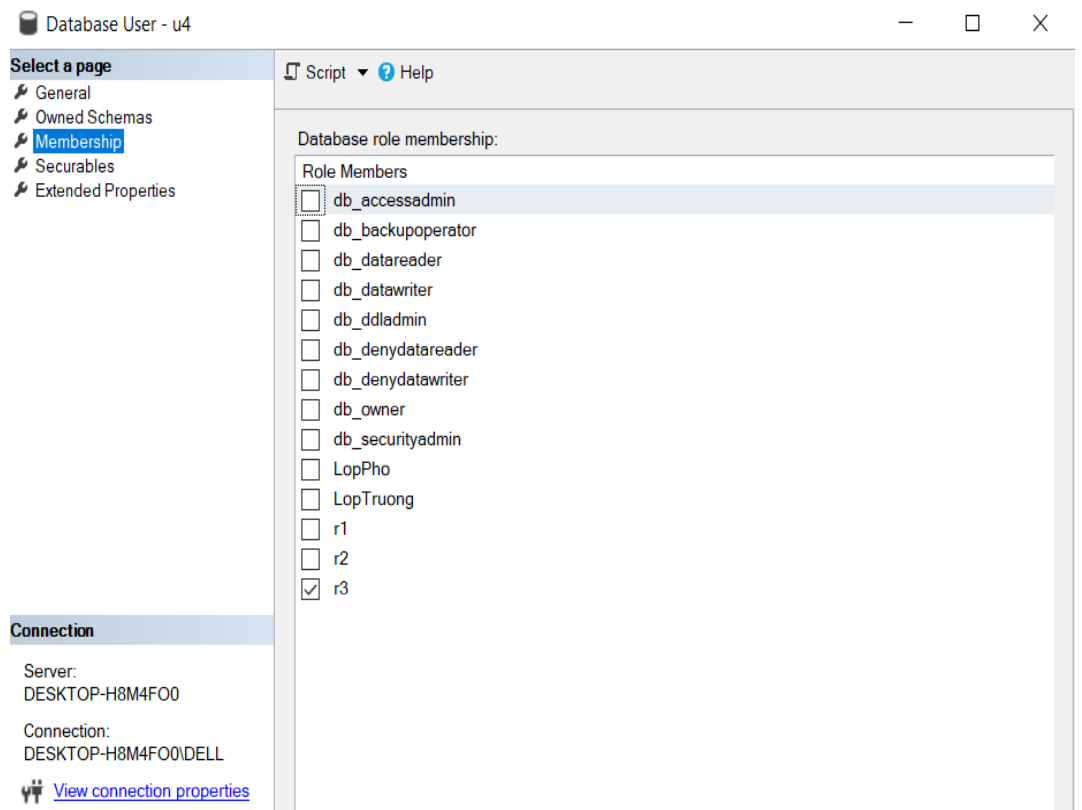
Connection:

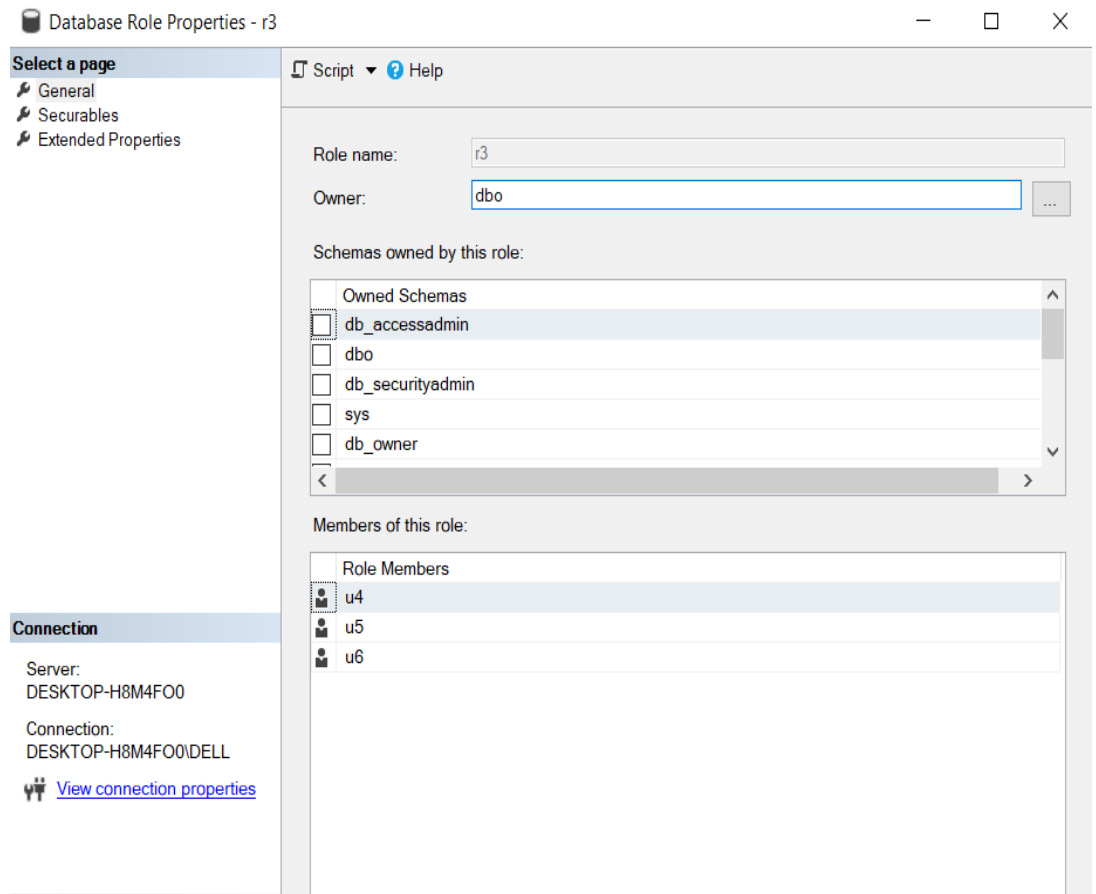
DESKTOP-H8M4FO0\DELL

View connection properties



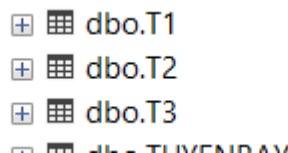
- u4, u5, u6 thuộc r3.





## Bài tập 4: Phân quyền người dùng

1. Tạo các bảng T1, T2, T3 với các cột như sau, sau đó chụp lại cửa sổ Object Explorer



2. Tạo các login Lo1, Lo2, Lo3 không có mật khẩu, sau đó chụp lại bảng Syslogins.

		status	createdate	updatedate	accddate	totcpu	totio	spacelimit	timelimit	resultlimit	name	dbname	password
20	'A26470A9FE7BA	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	13	master	NULL
21	4873B5203751	9	2024-04-09 15:13:36.013	2024-04-09 15:13:36.027	2024-04-09 15:13:36.013	0	0	0	0	0	14	master	NULL
22	821317942235E	9	2024-04-09 15:13:36.017	2024-04-09 15:13:36.030	2024-04-09 15:13:36.017	0	0	0	0	0	15	master	NULL
23	19502F9C120D35	9	2024-04-09 15:13:36.020	2024-04-09 15:13:36.033	2024-04-09 15:13:36.020	0	0	0	0	0	16	master	NULL
24	ID08F647658C1	9	2024-04-09 15:38:27.280	2024-04-09 15:38:27.293	2024-04-09 15:38:27.280	0	0	0	0	0	Lo1	master	NULL
25	10EC9D50595750	9	2024-04-09 15:38:27.290	2024-04-09 15:38:27.303	2024-04-09 15:38:27.290	0	0	0	0	0	Lo2	master	NULL
26	3D0C919D11399B	9	2024-04-09 15:38:27.290	2024-04-09 15:38:27.303	2024-04-09 15:38:27.290	0	0	0	0	0	Lo3	master	NULL

3. Tạo các user Us1, Us2, Us3 lần lượt tương ứng với các login đã tạo ở trên, sau đó chụp lại hộp thoại Database Properties.



Select a page

- General
- Files
- Filegroups
- Options
- Change Tracking
- Permissions
- Extended Properties

Script Help

Server name: DESKTOP-H8M4F00

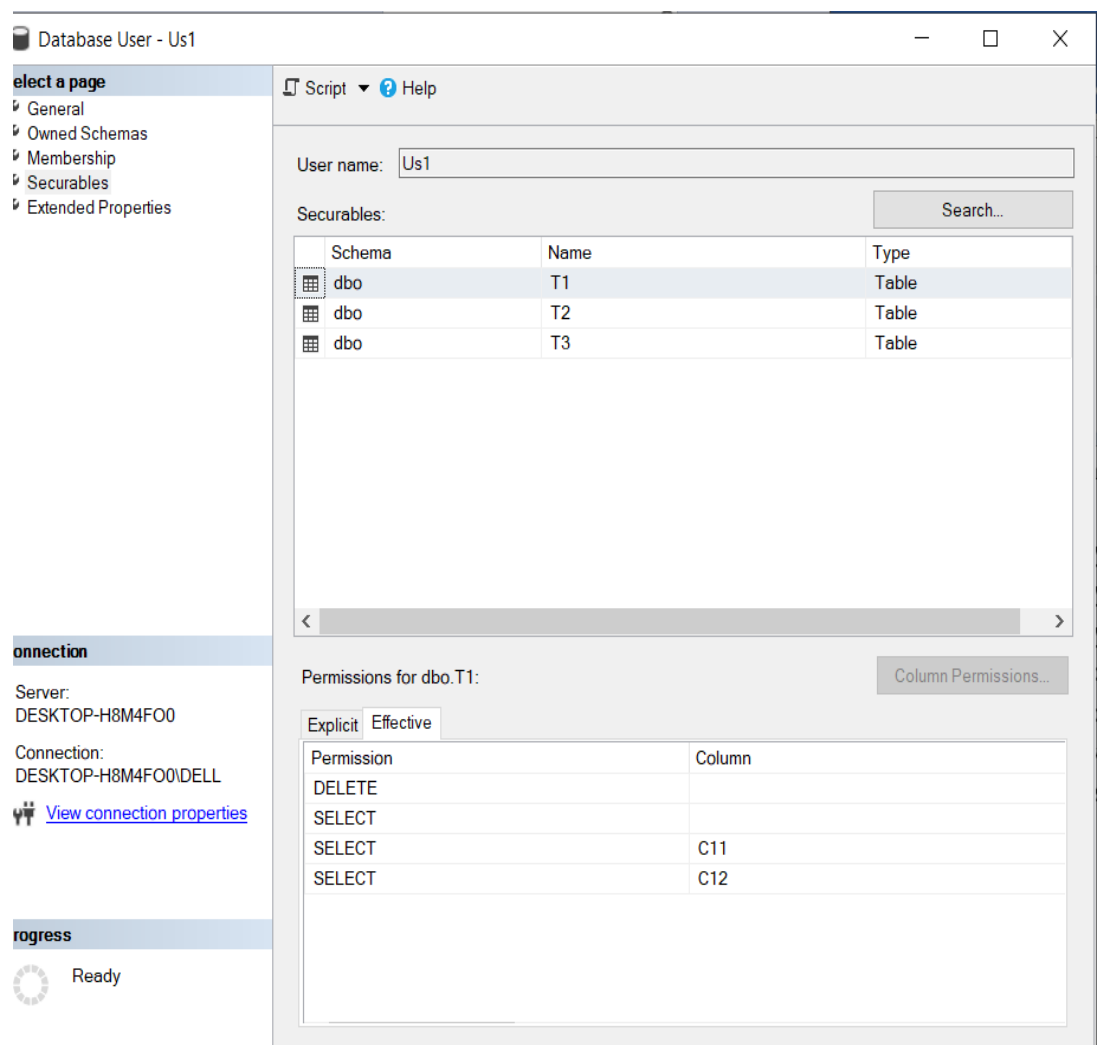
[View server permissions](#)

Database name: master

Users or roles: Search...

Name	Type
u1	User
u2	User
u3	User
u4	User
u5	User
u6	User
Us1	User
Us2	User
Us3	User

4. Phân quyền cho các user như sau, sau đó chụp lại hộp thoại Database User.
- Us1 có quyền Select, Delete trên T1, T3.



- Us2 có quyền Update, Delete trên T2.

### Permissions for dbo.T2:

Explicit	Effective			
Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Us3 có quyền Insert trên T1, T2, T3.

Database User - Us3

Select a page
General
Owned Schemas
Membership
Securables
Extended Properties

Script
Help

User name: Us3

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T1	Table
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T1:

Explicit
Effective

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection

Server: DESKTOP-H8M4FO0  
Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL  
[View connection properties](#)

Progress

Ready

Database User - Us3

Select a page

- General
- Owned Schemas
- Membership
- Securables
- Extended Properties

Script Help

User name: Us3

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T1	Table
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T2:

Explicit Effective

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection

Server: DESKTOP-H8M4FO0

Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL

[View connection properties](#)

Progress

Ready

Database User - Us3

Select a page

- General
- Owned Schemas
- Membership
- Securables
- Extended Properties

Script Help

User name: Us3

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T1	Table
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T3:

Explicit Effective

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection

Server: DESKTOP-H8M4FO0

Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL

[View connection properties](#)

Progress

Ready

- Us1 bị từ chối quyền Insert trên T1, T2.

Database User - Us1

Select a page: General, Owned Schemas, Membership, Securables, Extended Properties

Script Help

User name: Us1

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T1	Table
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T1:

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection: Server: DESKTOP-H8M4FO0, Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL, View connection properties

Progress: Ready

Database User - Us1

Select a page: General, Owned Schemas, Membership, Securables, Extended Properties

Script Help

User name: Us1

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T1	Table
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T2:

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection: Server: DESKTOP-H8M4FO0, Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL, View connection properties

Progress: Ready

- Us2 bị từ chối quyền Delete trên T3.

Select a page

General

Owned Schemas

Membership

Securables

Extended Properties

ScriptHelp

User name:

Securables:

Schema	Name	Type
dbo	T2	Table
dbo	T3	Table

Permissions for dbo.T2:

ExplicitEffective

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Connection

Server: DESKTOP-H8M4FO0

Connection: DESKTOP-H8M4FO0\DELL

[View connection properties](#)

Progress

Ready

5. Thu hồi quyền đã cấp đối với tất cả các user, sau đó chụp lại hộp thoại Database User.